**B. ĐỊA LÍ DÂN CƯ**

**I. ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ NƯỚC TA**

**1.Dân đông, có nhiều thành phần dân tộc Atlat trang 15,16**

**a. Dân số đông :**

- Năm 2006 : trên 84 triệu người, đứng thứ 3 Đông Nam Á và đứng 13 trên thế giới

- Thuận lợi:

+ Nguồn lao động dồi dào

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn

- Khó khăn: Trở ngại lớn trong cho việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

**b. Nhiều thành phần dân tộc:**

- Nước ta có 54 dân tộc. Trong đó: + Dân tộc Kinh: 86,2% dân số

+ Dân tộc khác: 13,8 % dân số

- Khỏang 3,2 triệu người Việt đang sinh sống ở nước ngoài, luôn hướng về Tổ quốc.

- Thuận lợi:Đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh phát triển kinh tế và xây dựng đất nước.

- Khó khăn:

+ Sự phát triển kinh tế -xã hội ở một số vùng còn chênh lệch.

+ Mức sống của một bộ phận dân tộc còn thấp.

**2. Dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ**

**a. Dân số nước ta tăng nhanh:**

- Mức gia tăng dân số hiện nay có giảm nhưng còn chậm(tốc độ tăng dân số tự nhiên hiện nay khoảng hơn 1,3%/năm), mỗi năm dân số vẫn tăng thêm hơn 1 triệu người.

- Hậu quả:Gây sức ép rất lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

**b. Cơ cấu dân số trẻ**:Năm 2005 cơ cấu nhóm tuổi nước ta:

+ Nhóm từ 0 – 14 tuổi: 27,0 %

+ Nhóm từ 15 – 59 tuổi: 64,0 %

+Trên 60 tuổi :9,0 %

- Dân số trẻ 🡪Nguồn lao dộng dồi dào nhưng mỗi năm tăng thêm 1,1 triệu lao động mới gây sức ép cho giải quyết việc làm.

**3.Phân bố dân cư chưa hợp lí**

**a. Phân bố dân cư không đồng đều giữa đồng bằng với trung du, miền núi:**

- Đồng bằng chiếm khỏang 75% dân số với mật độ cao (đồng bằng sông Hồng 1225 người/ km2, đồng bằng sông Cửu Long 429 người / km2 )

- Trung du,miền núi mật độ dân số thấp (Tây Nguyên 89 người / km2, Tây Bắc 69 người / km2 )

b.**Phân bố dân cư không đều giữa thành thị và nông thôn:** (thành thị 26,9% - nông thôn 73,1% )

**=> Khó khăn:** Sử dụng lao động và Khai thác tài nguyên không hợp lý

**4.Chiến lược phát triển dân số hợp lí và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động của nước ta**

- Kiềm chế tốc độ tăng dân số, kế hoạch hóa gia đình.

- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động hợp lí trong cả nước.

- Xây dựng quy hoạch và chính sách hợp lí nhằm đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.

- Đẩy mạnh và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động.

- Đầu tư phát triển công nghiệp ở trung du, miền núi, phát triển công nghiệp nông thôn để khai thác hợp lí tài nguyên và nguồn lao động của đất nước.

**II. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**

**1.Nguồn lao động nước ta :**

**a.Mặt mạnh**

- Nguồn lao động dồi dào:

+ Năm 2005: Dân số hoạt động kinh tế có 42,5 triệu người (51.2% dân số)

+ Mỗi năm bổ sung thêm khoảng 1 triệu lao động

- Người lao động cần cù sáng tạo, có khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học kĩ thuật.

- Chất lượng ngày càng cao; lao động đã qua đào tạo chiếm 25%(năm 2005)

**b.Hạn chế**

- Lực lượng lao động có trình độ còn ít, thiếu là cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật lành nghề.

- Thiếu tác phong công nghiệp, kỉ luật lao động chưa cao.

**2. Cơ cấu lao động :**

**a. Cơ cấu lao động theo ngành:**

- Đang có sự chuyển dịch lao động theo hướng công nghiệp hóa nhưng còn chậm:

+ Giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông – lâm –ngư nghiệp nhưng vẫn chiếm đa số

+ Tăng tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp –xây dựng và lao động trong ngành dịch vụ

**b.** **Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế**:

- Đa số lao động trong khu vực ngoài nhà nước: 88,9%(2005)

- Xu hướng: Lao động khu vực nhà nước và ngoài nhà nước ít biến động, lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh

**c.Cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn:**

- Đa số lao động ở nông thôn: 75%(2005)

- Xu hướng: Đang có sự chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị nhưng còn chậm : Giảm tỉ trọng lao động nông thôn và tăng tỉ trọng lao động thành thị

**-** Có sự chênh lệch khá lớn về lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật giữa thành thị và nông thôn

**3.Vấn đề việc làm và hướng giải quyết việc làm**

**a.Thực trạng:** Việc làm là vấn đề kinh tế -xã hội lớn của nước ta hiện nay: Năm 2005

- Cả nước: 2,1 % lao động thất nghiệp và 8,1% lao động thiếu việc làm

- Thành thị: 5,3 % lao động thất nghiệp và 4,5 % lao động thiếu việc làm

- Nông thôn: 1,1 % lao động thất nghiệp và 9,3 % lao động thiếu việc làm

**b. Hướng giải quyết việc làm:**

- Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng

- Thực hiện tốt chính sách dân số (nhất là nông thôn đồng bằng và thành phố lớn)

- Thực hiện đa dạng hoá các hoạt động sản xuất : thủ công truyền thống, dịch vụ

- Tăng cường hợp tác đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu

- Mở rộng các loại hình đào tạo các cấp, các ngành, nâng cao chất lượng đội ngũ

- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động

**III.** **ĐÔ THỊ HOÁ**

**1.Đặc điểm:**

**a.Qúa trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra chậm chạp, trình độ đô thị hóa thấp:**

**- Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm chạp:**

+ Đô thị đầu tiên là Cổ Loa ( thế kỉ thứ III trước công nguyên)

+ Thế kỷ XI xuất hiện thành Thăng Long

+ Thế kỷ XV – XVIII có thêm đô thị: Phú Xuân, Hội An, Đà Nẵng, Phố Hiến .

+ Thế kỷ XX 1 số đô thị lớn được hình thành : Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định..

+ 1945 đến 1954 quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.

+ Từ 1954 đến 1975 ,đô thị hoá phát triển theo 2 xu hướng khác nhau:

+ Miền Nam:Đô thị hoá để phục vụ chiến tranh

+ Miền Bắc:Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá trên cơ sở các đô thị cũ.

+ 1975 đến nay quá trình đô thị hoá có những chuyển biến tích cực

**- Trình độ đô thị hóa thấp**: tỉ lệ dân thành thi thấp và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị còn thấp so với khu vực

**b.Tỉ lệ dân thành thị ngày càng tăng:**

- Năm 1990: 19,5% đến 2005: 26,9%: tăngnhưng vẫn chiếm tỉ lệ thấp trong dân số cả nước và thấp so với các nước trong khu vực

**c.Phân bố đô thị không đều giữa các vùng**

- Số đô thị lớn còn ít so với số lượng đô thị

- Số lượng đô thị tập trung không đều giữa các vùng, đô thị lớn tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng

**2.Mạng lưới đô thị.**

**- Dựa vào số dân, chức năng…:** Nước ta phân 6 lọai đô thị: lọai đặc biệt,lọai 1, 2, 3, 4, 5.

**- Căn cứ cấp quản lí:** Đô thị do trung ương quản lí **(**5 đô thị do Trung ương quản lí) và

Đô thị do cấp tỉnh quản lí.

**3.Ảnh hưởng của Đô thị hoá đến phát triển kinh tế xã hội.**

**a.Tích cực:**

- Tác động mạnh tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế .

- Ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế -xã hội của các địa phương, các vùng

- Tạo ra động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế : Thị trường tiêu thụ rộng, sức mua mạnh và nhu cầu đa dạng, cơ sở hạ tầng hiện đại và thu hút vồn đầu tư trong và ngoài nước.

- Tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

**b.Tiêu cực:** Ô nhiễm môi trường, nhiều tệ nạn xã hội, việc làm, nhà ở…